



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT  
PNT INTERNATIONAL AUDITING CO., Ltd

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH BẠC LIÊU



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
cùng với Báo cáo của Kiểm toán viên*



Công Ty CP Du Lịch Bạc Liêu  
Số 2 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH BẠC LIÊU

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
cùng với Báo cáo của Kiểm toán viên*

Được kiểm toán bởi: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT – VP TP. HCM**  
Tầng 1 – Số 163 Nguyễn Văn Trỗi, P.11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 39 975 985; Fax: (84-8) 39 975 986 Website: www.pnt.com.vn

# MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1.	Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 08
2.	Báo cáo Kiểm toán độc lập	09 – 10
3.	Các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	o Bảng cân đối kế toán	11 – 12
	o Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	13
	o Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14
	o Thuyết minh Báo cáo tài chính	15 - 34



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Du Lịch Bạc Liêu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu trước đây là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 20/01/2006 theo quyết định 769/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt phương án chuyển đổi sang công ty cổ phần. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu của công ty cổ phần số 6003000020 ngày 20 tháng 01 năm 2006 và Giấy Chứng Nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 của công ty cổ phần số 1900135234 vào ngày 15 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Tên tiếng Anh: BAC LIEU TOURIST COMPANY.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VND ;

Số cổ phần: 2.000.000 cổ phần;

Mệnh giá 1 cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại: Số 02 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Các chi nhánh bao gồm:

+ Chi nhánh Trung Tâm điều hành Du lịch Bạc Liêu. Địa chỉ: Số 02 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

+ Chi nhánh Khách sạn Bạc Liêu. Địa chỉ: Số 04-06 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

+ Chi nhánh Nhà hàng Hải Yến. Địa chỉ: Số 118 Bà Triệu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

+ Chi nhánh Cửa hàng Thực phẩm Công nghệ Bạc Liêu. Địa chỉ: Số 154 Điện Biên Phủ, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

+ Chi nhánh Cửa hàng Thực phẩm Công nghệ Hộ Phòng. Địa chỉ: 225 Quốc lộ 1A, ấp 5, Thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

**Danh sách cổ đông sáng lập theo giấy phép gồm các thành viên sau:**

Cổ đông sáng lập	Vốn góp	Tỷ lệ
- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	3.081.960.000	15,41%
- Công ty Lương thực Bạc Liêu	1.714.300.000	8,57%
- Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Bạc Liêu	1.671.500.000	8,36%
- Công ty CP Thương Nghiệp Bạc Liêu	1.114.300.000	5,57%
- Ông Lâm Dạ Vũ	2.270.000.000	11,35%
- Ông Huỳnh Quốc Dân	900.000.000	6,43%
<b>Cộng</b>	<b>10.779.060.000</b>	<b>55,69%</b>

CHI TIẾT SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

STT	Cổ Đông	Chức vụ	31/12/2013		Tăng	Giảm	31/12/2014	
			Số CP	Tỷ lệ			Số CP	Tỷ lệ
<b>Cổ Đông sáng lập</b>								
1	TCT Đầu tư và KD vốn Nhà nước		308.196	15,56%	-	-	308.196	15,61%
2	Công ty Lương thực Bạc Liêu		171.430	8,65%	-	-	171.430	8,68%
3	Công ty TNHH MTV SSKT Bạc Liêu		167.150	8,44%	-	-	167.150	8,47%
4	Công ty Xăng dầu, Dầu khí Bạc Liêu		111.430	5,62%	-	-	111.430	5,64%
5	Ông Lâm Dạ Vũ		220.000	11,10%	-	220.000	-	0,00%
6	Ông Huỳnh Quốc Dân	Chủ tịch HĐQT	128.570	6,49%	-	-	128.570	6,51%
	<b>Cộng</b>		<b>1.106.776</b>	<b>55,86%</b>	-	<b>220.000</b>	<b>886.776</b>	<b>44,92%</b>
<b>Cổ đông thường</b>								
7	Nguyễn Hải Văn		-	0,00%	443.574	-	443.574	22,47%
8	Trịnh Công Vinh	P.Chủ tịch HĐQT	-	0,00%	123.960	-	123.960	6,28%
9	Mai Thu Nga		143.650	7,25%	-	-	143.650	7,28%
10	Trần Văn Thảo	Giám đốc, TV HĐQT	68.290	3,45%	-	-	68.290	3,46%
11	Triệu Khai Minh		53.739	2,71%	-	53.739	-	0,00%
12	Trương Hoàng Tuấn		48.860	2,47%	-	48.860	-	0,00%
13	Lâm Dạ Tường		42.860	2,16%	-	42.860	-	0,00%
14	Nguyễn Thị Huệ		42.290	2,13%	-	-	42.290	2,14%
15	Vũ Thị Mộng Hoàng		32.140	1,62%	-	32.140	-	0,00%
16	Phan Mai Diễm		28.570	1,44%	-	-	28.570	1,45%
17	Trần Văn Bùi		27.140	1,37%	-	27.140	-	0,00%
18	Thái Thiện Toàn Trung		26.285	1,33%	-	26.285	-	0,00%
19	Nguyễn Thanh Sang	TB Kiểm soát & PGD	25.240	1,27%	-	-	25.240	1,28%
20	Quách Trọng Nghĩa		24.290	1,23%	-	24.290	-	0,00%
21	CTTNHH Đức Trọng		24.000	1,21%	-	24.000	-	0,00%
22	Võ Tú Anh		18.370	0,93%	-	-	18.370	0,93%
23	Lưu Hoàng Ly		15.000	0,76%	-	-	15.000	0,76%
24	Nguyễn Văn Nam		14.290	0,72%	-	-	14.290	0,72%
25	Trương Thị Huệ		14.290	0,72%	-	14.290	-	0,00%
26	Nguyễn Thị Kim Trang		14.290	0,72%	2.400	-	16.690	0,85%
27	Thái Bình Long		13.140	0,66%	-	13.140	-	0,00%
28	Mai Quốc Việt		10.710	0,54%	-	-	10.710	0,54%
29	Võ Minh Phúc		10.710	0,54%	-	-	10.710	0,54%
30	Phạm Thị Thanh Thùy		10.710	0,54%	-	-	10.710	0,54%
31	Nguyễn Hoàng Hà		10.710	0,54%	-	-	10.710	0,54%
32	Lê Thị Trang		10.000	0,50%	-	10.000	-	0,00%
33	Mạc Phước Điều		9.210	0,46%	-	-	9.210	0,47%
34	Võ Văn Thọ		8.570	0,43%	-	-	8.570	0,43%
35	Nguyễn Thị Tuyết Thu	KTT	8.000	0,40%	-	-	8.000	0,41%

CÔNG TY CP DU LỊCH BẠC LIÊU

36	Lâm Tường Linh		7.500	0,38%	-	7.500	-	0,00%
37	Trương Văn Kiên		7.140	0,36%	-	7.140	-	0,00%
38	Châu Minh Nguyệt		7.140	0,36%	-	7.140	-	0,00%
39	Mạch Thụy Ngọc Tâm		7.140	0,36%	-	-	7.140	0,36%
40	Đào Thị Tuyết Minh		6.430	0,32%	-	-	6.430	0,33%
41	CTTNHH Nam Long		5.740	0,29%	-	-	5.740	0,29%
42	Nguyễn Kim Thùy		5.600	0,28%	-	-	5.600	0,28%
43	Tăng Thị Ngọc Dung		5.570	0,28%	-	-	5.570	0,28%
44	Nguyễn Bích Thùy		5.000	0,25%	-	-	5.000	0,25%
45	Trần Trọng Khải		5.000	0,25%	-	5.000	-	0,00%
46	Vưu Quốc Cường		4.860	0,25%	-	-	4.860	0,25%
47	Nguyễn Kim Ngọc		4.710	0,24%	-	-	4.710	0,24%
48	Nguyễn Văn Tiền		4.570	0,23%	-	-	4.570	0,23%
49	Trần Hồng Anh		4.290	0,22%	-	-	4.290	0,22%
50	Huyền Tuyết Nga		4.200	0,21%	-	-	4.200	0,21%
51	Cao Kim Tuyền		4.050	0,20%	-	-	4.050	0,21%
52	CDCS NH Công thương		4.000	0,20%	-	-	4.000	0,20%
53	Hồng Quang Khải		3.140	0,16%	-	-	3.140	0,16%
54	Lê Thanh Bình	Ban KS	3.980	0,20%	-	3.980	-	0,00%
55	Phù Hoàng Bi		3.960	0,20%	-	3.960	-	0,00%
56	Lâm Kim Thảo		3.210	0,16%	-	3.210	-	0,00%
57	Trương Văn Lũy	Phó GD	2.570	0,13%	-	-	2.570	0,13%
58	Hoàng Thị Hoa		2.400	0,12%	-	2.400	-	0,00%
59	Quách Thùy Trang		2.140	0,11%	-	-	2.140	0,11%
60	Lê Hoài Bảo		2.000	0,10%	-	-	2.000	0,10%
61	CE CTCP Du lịch BL		1.430	0,07%	-	-	1.430	0,07%
62	Nguyễn Văn Ngọc		430	0,02%	-	-	430	0,02%
63	Nguyễn Lệ Nỹ		70	0,004%	-	-	70	0,004%
64	Lê Kim Oanh		70	0,004%	-	-	70	0,004%
65	Đỗ Kim Thoa		70	0,004%	-	-	70	0,004%
66	Lê Thị Kim Ngân		70	0,004%	-	-	70	0,004%
67	Vũ Thị Huyền		70	0,004%	-	-	70	0,004%
68	Trần Minh Bảo		70	0,004%	-	-	70	0,004%
69	Lý Thị Hương		50	0,003%	-	-	50	0,003%
70	Ong Thị Thắm		50	0,003%	-	-	50	0,003%
71	Trần Hồng Cường		50	0,003%	-	-	50	0,003%
72	Huỳnh Công Sang		50	0,003%	-	-	50	0,003%
73	Nguyễn Văn Đức		50	0,003%	-	-	50	0,003%
74	Trình Thanh Tùng		50	0,003%	-	-	50	0,003%
75	Trương Quốc Cường		50	0,003%	-	-	50	0,003%
76	Đoàn Thanh Hùng		50	0,003%	-	-	50	0,003%
77	Nguyễn Hoàng Linh		50	0,003%	-	-	50	0,003%
78	Nguyễn Đức Thuận		-	0,000%	35.120	35.120	-	0,000%
79	Cổ phiếu quỹ		18.800		7.140	-	25.940	
	Cộng		2.000.000	100,00%	612.194	612.194	2.000.000	100,00%

HỒ  
H  
H  
SCT  
ĐC

## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Khách sạn.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm có liên quan.
- Dịch vụ tắm hơi; massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).
- Quán rượu, bia, quầy bar.
- Đại lý du lịch.
- Điều hành tour du lịch.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.
- Bán buôn đồ uống không có cồn.
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
- Bán buôn đồ uống có cồn.
- Đại lý thu đổi ngoại tệ, chi trả kiều hối.
- Bán vé máy bay, vé tàu.
- Karaoke.
- Bán buôn phân bón.
- Xuất khẩu thủy sản, nông sản các loại, hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm công nghệ.
- Nhập khẩu: phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và kinh doanh; trang thiết bị cho khách sạn, vật tư xây dựng; nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 26/01/2015, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu đã ra thông báo số 31/TB-ĐKKD về việc giải thể Công ty TNHH MTV Thương mại Tổng hợp Bạc Liêu và các Chi nhánh trực thuộc.

Ngoài sự kiện nói trên, Ban giám đốc khẳng định rằng, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng công ty cho đến ngày 31/12/2013 này bao gồm:

<b>1. Hội đồng quản trị</b>		<b>Chức vụ</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Ông Huỳnh Quốc Dân	Chủ tịch	
	Ông Trịnh Công Vinh	Phó Chủ tịch	Theo BB hợp ĐH đồng cổ đông thường niên 2014 ngày 29/5/2014
02			
03	TCT Đầu tư và KD vốn Nhà nước - Đại diện: Ông Phạm Trung Hiếu	Thành viên	QĐ số 201/QĐ-UBND ngày 03/4/2007 của UBND Tỉnh Bạc Liêu
04	Công ty Lương thực Bạc Liêu - Đại diện: Ông Trần Quốc Thống,	Thành viên	QĐ số 42/QĐ-HĐTV ngày 10/4/2013 của TCT Lương thực Miền Nam, người tiền nhiệm là Ông Nguyễn Thanh Ngọc
05	Ông Trần Văn Thảo	Thành viên	
<b>2. Ban Kiểm soát</b>			
01	Ông Nguyễn Thanh Sang	Trưởng ban	
02	Ông Lưu Tuấn Thanh	Thành viên	Thay thế Ông Trần Thanh Hậu theo CV của Cty XSKT Bạc Liêu ngày 19/11/2014 hiệu lực từ ngày 01/12/2014
03	Tô Ưống	Thành viên	Đại diện cho Cty Thương mại Bạc Liêu (hiện nay đổi tên thành Cty CP Xăng dầu, dầu khí Bạc Liêu)
(*) Ông Lê Thanh Bình từ nhiệm chức vụ KSV theo đơn từ nhiệm ngày 20/5/2014			
<b>3. Ban Giám đốc</b>			
	Ông Trần Văn Thảo	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/5/2013 theo QĐ số 26/QĐ-DLBL-TC
	Ông Nguyễn Thanh Sang	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 04/6/2014 theo QĐ số 42/QĐ-DLBL-TC
	Ông Trương Văn Lữ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm theo QĐ số 07/QĐ.2006 ngày 06/02/2006
<b>4. Kế toán trưởng</b>			
	Bà Nguyễn Thị Tuyết Thu		

**KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty được kiểm toán bởi:

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT – Văn phòng Hồ Chí Minh**

Trụ sở chính: Tầng 1 – Số 163 Nguyễn Văn Trỗi, P.11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 39 975 985; Fax: (84-8) 39 975 986; Website: www.pnt.com.vn



## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố, giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

## PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

**Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc**



**TRẦN VĂN THẢO**

Giám đốc

Bạc Liêu, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Số: 010/2014/BCKT-PNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2015

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu,  
- Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu.

*Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 kèm theo của Công ty CP Du lịch Bạc Liêu, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2015, từ trang 9 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như nêu tại mục V.15 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của năm 2013 theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Bạc Liêu với giá trị lần lượt là 20.955.450 đồng và 256.638.815 đồng vẫn chưa được ghi nhận trên sổ sách kế toán của Công ty do Công ty chưa thống nhất số liệu với cơ quan thuế. Do đó, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 sẽ tùy thuộc vào việc chuyển lỗ của năm 2012.
2. Như nêu tại mục V.04 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản đầu tư phải thu hồi của Công ty CP Du Lịch Sài Gòn – Bạc Liêu do thu hồi dự án Đầu tư Du lịch Khu Công tử Bạc Liêu theo quyết định của Tỉnh Ủy Bạc Liêu với giá trị là 738.000.000 đồng vẫn chưa được thu hồi. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ này.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Tổng hợp Bạc Liêu chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng và chưa được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu, Công ty con này đã tạm ngừng hoạt động vào tháng 06/2013. Công ty đã ra Quyết định giải thể Công ty TNHH MTV TMTH Bạc Liêu kể từ ngày 20/12/2014 và đã nộp hồ sơ giải thể đến Sở Kế hoạch và Đầu tư ngày 20/12/2014. Ngày 26/01/2015, Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu đã ra Thông báo số 31/TB-ĐKKD về việc giải thể Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Tổng hợp Bạc Liêu và các chi nhánh trực thuộc.

Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế PNT – Văn phòng TP.HCM



**TRƯƠNG HOÀNG HÙNG**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0072-2014-136-1

Kiểm toán viên

**NGUYỄN TẤN QUANG**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2433-2014-136-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>12.087.954.288</b>	<b>12.638.504.344</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>1.561.010.980</b>	<b>3.286.962.707</b>
1. Tiền	111		1.561.010.980	3.286.962.707
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>4.579.303.898</b>	<b>4.316.502.042</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	508.333.421	622.994.984
2. Trả trước người bán	132	V.03	206.803.216	87.954.068
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.458.451.144	2.471.824.173
4. Các khoản phải thu khác	135	V.04	1.405.716.117	1.133.728.817
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.182.021.124</b>	<b>4.442.981.916</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	5.182.021.124	4.442.981.916
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>765.618.286</b>	<b>592.057.679</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	682.021.478	447.186.829
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	83.596.808	144.870.850
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>41.567.104.109</b>	<b>43.217.552.620</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.169.508.198</b>	<b>39.807.702.337</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	36.428.971.062	37.919.391.381
- Nguyên giá	222		50.906.634.264	51.595.508.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.477.663.202)	(13.676.117.020)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	1.700.052.956	1.700.052.956
- Nguyên giá	228		1.760.052.956	1.760.052.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.000.000)	(60.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		40.484.180	188.258.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.10	<b>1.332.067.335</b>	<b>1.453.125.287</b>
- Nguyên giá	241		2.421.159.036	2.421.159.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.089.091.701)	(968.033.749)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>93.740.000</b>	<b>831.740.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	93.740.000	831.740.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.12	<b>1.971.788.576</b>	<b>1.124.984.996</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.059.013.576	482.809.996
2. Tài sản dài hạn khác	268		912.775.000	642.175.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>53.655.058.397</b>	<b>55.856.056.964</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>28.875.518.509</b>	<b>32.421.409.126</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.599.932.905</b>	<b>24.346.788.688</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	17.809.183.190	20.240.607.750
2. Phải trả cho người bán	312	V.14	60.833.188	634.468.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	177.590.541	333.157.601
5. Phải trả người lao động	315		1.528.803	20.599.108
6. Chi phí phải trả	316	V.16	37.472.727	4.430.000
7. Phải trả nội bộ	317		2.458.451.144	2.471.824.173
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	27.310.222	655.124.317
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		27.563.090	(13.422.761)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.275.585.604</b>	<b>8.074.620.438</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		867.170.500	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	7.364.778.736	8.074.620.438
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		43.636.368	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>24.779.539.888</b>	<b>23.434.647.838</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>24.779.539.888</b>	<b>23.434.647.838</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		999.164.000	999.164.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		863.046.618	863.046.618
4. Cổ phiếu quỹ	414		(268.200.000)	(196.800.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.957.542.262	1.927.491.837
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		747.180.199	717.129.774
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		480.806.809	(875.384.391)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>53.655.058.397</b>	<b>55.856.056.964</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		4.960,00	8.087,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

*(Signature)*

NGUYỄN THỊ TUYẾT THU

Bạc Liêu, ngày 31 tháng 01 năm 2015

*(Signature)*

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH  
BẠC LIÊU

TP. BẠC LIÊU - T. BẠC LIÊU

TRẦN VĂN THẢO

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02-DN

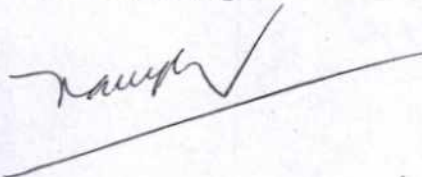
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

*Đơn vị tính: đồng*

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	01		100.456.733.726	96.252.626.314
2. Các khoản giảm trừ	02		36.531.547	76.807.973
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	100.420.202.179	96.175.818.341
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	86.064.617.389	83.338.171.964
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.355.584.790	12.837.646.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	17.567.857	76.742.214
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.04	2.493.366.207	3.246.841.989
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.487.903.229	3.246.841.989
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	10.549.270.029	9.134.391.226
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	2.030.672.775	1.642.534.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(700.156.364)	(1.109.379.515)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	3.516.536.041	1.316.546.256
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.130.408.531	206.807.300
13. Lợi nhuận khác	40		2.386.127.510	1.109.738.956
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.685.971.146	359.441
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.09	209.578.245	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60		1.476.392.901	359.441
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	747,22	0,18

Bạc Liêu, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ TUYẾT THU



Giám đốc  


TRẦN VĂN THẢO

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

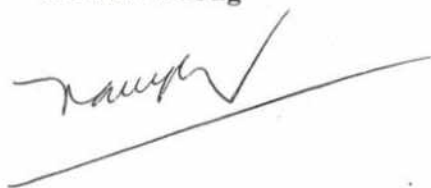
Mẫu số B 02-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	01		100.456.733.726	96.252.626.314
2. Các khoản giảm trừ	02		36.531.547	76.807.973
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	100.420.202.179	96.175.818.341
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	86.064.617.389	83.338.171.964
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.355.584.790	12.837.646.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	17.567.857	76.742.214
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.04	2.493.366.207	3.246.841.989
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.487.903.229	3.246.841.989
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	10.549.270.029	9.134.391.226
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	2.030.672.775	1.642.534.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(700.156.364)	(1.109.379.515)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	3.516.536.041	1.316.546.256
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.130.408.531	206.807.300
13. Lợi nhuận khác	40		2.386.127.510	1.109.738.956
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.685.971.146	359.441
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.09	209.578.245	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60		1.476.392.901	359.441
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	747,22	0,18

Bạc Liêu, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ TUYẾT THU



TRẦN VĂN THẢO

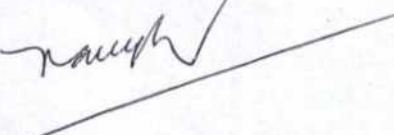
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
Lập theo phương pháp trực tiếp

Mẫu số B 03-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	MS	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	204.636.505.287	105.405.954.267
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(111.057.321.088)	(10.581.923.188)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.229.298.993)	(1.724.282.967)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.440.369.895)	(3.508.257.242)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(71.252.690)	(90.951.082)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24.538.542.395	118.370.932.302
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(29.369.478.663)	(124.052.479.681)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>84.007.326.353</b>	<b>83.818.992.409</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(426.786.652)	(193.904.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.964.545.456	150.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.499.200	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.545.258.004</b>	<b>(43.904.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.672.913.365	5.471.058.676
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(96.951.449.449)	(88.153.105.395)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(87.278.536.084)</b>	<b>(82.682.046.719)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.725.951.727)</b>	<b>1.093.041.690</b>
<b>Tiền và tương đương đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.286.962.707</b>	<b>2.193.551.034</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>369.983</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.561.010.980</b>	<b>3.286.962.707</b>

Kế toán trưởng  
  
NGUYỄN THỊ TUYẾT THU

Bạc Liêu, ngày 31 tháng 01 năm 2015  
  
Giám đốc  
  
TRẦN VĂN THẢO



**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh: nhà hàng, khách sạn, dịch vụ, xuất nhập khẩu.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

Khách sạn; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm có liên quan; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Quán rượu, bia, quầy bar; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Bán buôn đồ uống không có cồn; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan; Bán buôn đồ uống có cồn; Đại lý thu đổi ngoại tệ, chi trả kiều hối; Bán vé máy bay, vé tàu; Karaoke; Bán buôn phân bón; Xuất khẩu thủy sản, nông sản các loại, hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm công nghệ; Nhập khẩu: phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và kinh doanh; trang thiết bị cho khách sạn, vật tư xây dựng; nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

**4. Nhân viên:** Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 97 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 105 nhân viên).

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Tổng hợp Bạc Liêu chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính và chưa hợp nhất báo cáo của công ty con này vào báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013

Ngày 26/01/2015, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu đã ra thông báo số 31/TB-ĐKKD về việc giải thể Công ty TNHH MTV Thương mại Tổng hợp Bạc Liêu và các Chi nhánh trực thuộc.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác sang đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các tài khoản có số dư gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật liên quan của Bộ Tài Chính.

**3. Các khoản phải thu thương mại và thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận: các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo nhận định của Công ty về khả năng thu hồi của các công nợ. Tại thời điểm 31/12/2013, các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa được đánh giá và trích lập bổ sung đầy đủ theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

9-  
HÀ  
AN  
HÍ  
TY  
AN  
N  
V-T

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền thời kỳ (tháng).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ. Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản với tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03-50
- Máy móc và thiết bị	05-12
- Phương tiện vận tải	05-10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05-08
- Tài sản cố định vô hình	03-50

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư: Là bất động sản, gồm: quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để:

CÔNG TY CP DU LỊCH BẠC LIÊU  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- a. Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- b. Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư của đơn vị là các nhà hàng đơn vị cho các cá nhân và tổ chức thuê lại để kinh doanh.

Khấu hao Bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản với tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ sản xuất
- Dụng cụ văn phòng

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: phản ánh số vốn thực tế đã góp bằng tiền được ghi nhận theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh cho các khoản góp vốn bằng ngoại tệ, bằng tài sản khi thành lập, hoặc huy động thêm vốn để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu của đơn vị được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu nhận được và được xác định theo từng đơn đặt hàng.

Giá vốn được ghi nhận theo ước tính chủ quan của đơn vị.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hoạt động tài chính.**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ (không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí ghi nhận trên cơ sở thực chi.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

#### **16. Nguyên tắc ghi nhận thuế**

Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ kế toán hiện hành. Theo quy định hiện hành, số thuế sẽ được cơ quan thuế ấn định. Các khoản chênh lệch theo số thuế được ấn định và khoản thuế dự kiến (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có báo cáo quyết toán thuế từ cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận thu được. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không chịu phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Việt Nam tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Các tờ khai thuế của Công ty vẫn còn tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các Cơ quan thuế. Do việc áp dụng các luật lệ, quy định về thuế đối với nhiều loại hình giao dịch còn tùy thuộc vào các hướng dẫn khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được điều chỉnh căn cứ vào kết quả quyết toán của cơ quan thuế.

#### 17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Chi phí lương được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tối đa 60% trên lợi nhuận hay chi theo lương hệ số. Phần lương được thanh toán thực tế dựa trên các hệ số và mức lương tối thiểu đã được phê duyệt.

Cơ sở phân bổ chi phí tiền lương vào các khoản mục chi phí theo tỷ lệ 1:1 giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Một số khoản chi phí lương của nhân viên hợp đồng ngắn hạn như tạp vụ, tài xế công ty, tài xế trung tâm Điều hành du lịch, nhân viên khách sạn... Công ty ghi nhận trực tiếp vào các khoản mục chi phí mà không hạch toán vào tài khoản 334.

#### **18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật liên quan.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2014: 21.377 VND/USD theo tỷ giá bình quân mua vào của các ngân hàng đơn vị mở tài khoản.

#### **19. Các bên có liên quan**

Các bên được gọi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Giao dịch giữa các bên có liên quan**

Giao dịch giữa các bên có liên quan là việc chuyển giao các quyền lực hay nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

#### **V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

CÔNG TY CP DU LỊCH BẠC LIÊU  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09-DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

01- Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.274.349.703	296.662.211
Tiền gửi ngân hàng	286.661.277 (*)	2.990.300.496
<b>Cộng</b>	<b>1.561.010.980</b>	<b>3.286.962.707</b>
<b>(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng:</b>	<b>VND</b>	<b>USD</b>
Ngân Hàng VIB Cà Mau	1.181.098	-
Ngân Hàng Á Châu Cà Mau	1.767.489	-
CN Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Tỉnh Bạc Liêu	2.783.563	-
CN Ngân Hàng Phát Triển Bạc Liêu	1.730.341	-
CN Bạc Liêu Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.232.410	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bạc Liêu	17.576.807	-
Ngân hàng TMCP Đông Á	140.387.727	-
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Bạc Liêu	601.853	-
Ngân Hàng TMCP Công Thương - CN Bạc Liêu	8.363.062	-
Ngân Hàng TMCP XNK VN- CN Bạc Liêu	5.656.767	-
Ngân Hàng Á Châu Cà Mau (Tiền USD)	89.918.596	4.232,44
CN Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Tỉnh Bạc Liêu (Tiền USD)	6.762.602	318,30
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bạc Liêu (Tiền USD)	8.698.962	409,26
<b>Cộng</b>	<b>286.661.277</b>	<b>4.960,00</b>
<b>02- Phải thu khách hàng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP thực phẩm Lâm Đồng	-	7.750.000
Khách hàng Trung tâm điều hành du lịch	45.449.510	21.250.000
Khách hàng Nhà hàng khách sạn Bạc Liêu	321.986.575	330.120.000
Khách hàng Khách sạn Bạc Liêu	112.897.336	238.274.984
Khách hàng CH Thực phẩm Công Nghệ Bạc Liêu	28.000.000	25.600.000
<b>Cộng</b>	<b>508.333.421</b>	<b>622.994.984</b>
<b>03- Trả trước cho người bán</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Điện Lực Bạc Liêu	-	17.954.060
Công ty Cp thực phẩm Lâm Đồng	-	8
Công ty CP tư vấn xây dựng Nguyễn Minh	-	70.000.000
Công ty TNHH MTV xây dựng Lửa Việt	55.000.000	-
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Mai Trúc MTC	44.513.016	-
Công ty CP công nghệ HEADWAY Việt Nam	48.150.000	-
Hà Văn Nam	4.364.600	-
Công ty TNHH SX TM Thanh Thủy	54.775.600	-
<b>Cộng</b>	<b>206.803.216</b>	<b>87.954.068</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

## 04- Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Dầu Khí Mekong - CN Bạc Liêu	-	32.505.200
CN Công ty CP TM Bia Sài Gòn Sông Hậu Tại Bạc Liêu	148.800.000	390.668.900
TT Điều Hành Du Lịch	-	13.871.511
Nhà Hàng Hải Yến	67.000.000	107.000.000
CN Khách Sạn Bạc Liêu	321.842.949	356.842.949
Quách Thùy Trang	-	63.000.000
Bảo hiểm xã hội	-	9.948.388
Công ty CP Du Lịch Sài Gòn - Bạc Liêu	738.000.000 (*)	-
Khách hàng -TTDH du lịch	33.491.648	-
Ngân hàng Á Châu - Phải thu kiều hối	74.273.042	128.889.541
Phải thu cổ tức đã chi trả năm 2012	22.308.478	31.002.328
<b>Cộng</b>	<b>1.405.716.117</b>	<b>1.133.728.817</b>

(\*) Khoản đầu tư 738 triệu vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bạc Liêu cho dự án Đầu tư Du lịch Khu Công tử Bạc Liêu đã được UBND Tỉnh Bạc Liêu thu hồi (theo văn thư số 575) và giao cho đơn vị khác thực hiện theo chủ trương của Tỉnh ủy Bạc Liêu (theo văn thư số 138). Đồng thời, Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bạc Liêu cũng đã có quyết định giải thể. Đơn vị điều chuyển khoản đầu tư này sang khoản mục phải thu khác đồng thời cũng chưa lập dự phòng về khoản đầu tư này.

## 05- Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	72.024.137	28.818.550
Công cụ, dụng cụ trong kho	754.792.920	754.792.920
Hàng hóa tồn kho	4.355.204.067	3.659.370.446
<b>Cộng</b>	<b>5.182.021.124</b>	<b>4.442.981.916</b>

Công ty chưa có chính sách lập dự phòng hàng tồn kho đối với các mặt hàng thực phẩm tươi sống

## 06- Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	682.021.478 (*)	447.186.829
<b>Cộng</b>	<b>682.021.478</b>	<b>447.186.829</b>

CÔNG TY CP DU LỊCH BẠC LIÊU  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

07- Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	83.596.808	(*)	144.870.850
Cộng	<u>83.596.808</u>		<u>144.870.850</u>

(*) Chi tiết tạm ứng	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
TT Điều Hành Du Lịch	-		40.000.000
Trương Văn Lũy	-		3.000.000
Huỳnh Nguyễn Trọng Tín	79.600.000		66.000.000
Phù Hoàng Bi ( Tạm ứng mua bia)	-		25.870.850
Nguyễn Ngọc Hiếu ( Tạm ứng Công tác)	3.996.808		10.000.000
Cộng	<u>83.596.808</u>		<u>144.870.850</u>

385/  
H N P  
TH A N  
C H I  
I G T  
T O A N  
P N  
A N - T

08- Tài sản cố định  
Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	Tổng cộng
Số dư đầu năm	31.089.058.378	9.372.160.801	10.901.365.505	232.923.717	51.595.508.401
- Mua trong năm	-	-	2.141.364.544	-	2.141.364.544
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.419.432.753)	-	(2.419.432.753)
- Giảm khác (theo Thông tư 45)	(11.090.909)	(265.823.292)	-	(133.891.727)	(410.805.928)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.077.967.469</b>	<b>9.106.337.509</b>	<b>10.623.297.296</b>	<b>99.031.990</b>	<b>50.906.634.264</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.603.319.448	3.282.899.230	5.567.355.871	222.542.471	13.676.117.020
- Khấu hao trong năm	758.864.442	818.795.293	1.026.783.747	3.774.999	2.608.218.481
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.395.866.371)	-	(1.395.866.371)
- Giảm khác (theo Thông tư 45)	(11.090.909)	(265.823.292)	-	(133.891.727)	(410.805.928)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.351.092.981</b>	<b>3.835.871.231</b>	<b>5.198.273.247</b>	<b>92.425.743</b>	<b>14.477.663.202</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	26.485.738.930	6.089.261.571	5.334.009.634	10.381.246	37.919.391.381
- Tại ngày cuối năm	<b>25.726.874.488</b>	<b>5.270.466.278</b>	<b>5.425.024.049</b>	<b>6.606.247</b>	<b>36.428.971.062</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

- Các cam kết về mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

34.668.727.272  
929.892.556

CÔNG TY CP DU LỊCH BẠC LIÊU  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09-DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

09- Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1.700.052.956	60.000.000			1.760.052.956
- Mua trong năm	-	-			-
- Giảm khác	-	-			-
Số dư cuối năm	1.700.052.956	60.000.000	-	-	1.760.052.956
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	60.000.000			60.000.000
Số dư cuối năm	-	60.000.000	-	-	60.000.000
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	1.700.052.956	-	-	-	1.700.052.956
- Tại ngày cuối năm	1.700.052.956	-	-	-	1.700.052.956

10- Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá BĐS đầu tư</b>	2.421.159.036	-	-	2.421.159.036
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	2.421.159.036	-	-	2.421.159.036
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	968.033.749	121.057.952	-	1.089.091.701
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	968.033.749	121.057.952	-	1.089.091.701
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại của BĐS đầu tư</b>	1.453.125.287	(121.057.952)	-	1.332.067.335
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	1.453.125.287	(121.057.952)	-	1.332.067.335
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

11- Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	93.740.000 (*)	93.740.000
Đầu tư dài hạn khác	-	738.000.000
<b>Cộng</b>	<b>93.740.000</b>	<b>831.740.000</b>

(\*) Chi tiết cổ phiếu

	Số lượng	Giá trị
Công ty CP TM SABECO Sông Hậu	9.374	93.740.000

## 12- Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	1.059.013.576	482.809.996
Ký quỹ tiền chi kiều hối tại Ngân hàng Á Châu	46.000.000	46.000.000
Ký quỹ Công ty CPTM Bia Sài Gòn Sông Hậu Cộng	866.775.000	596.175.000
	<b>1.971.788.576</b>	<b>1.124.984.996</b>

## 13- Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bạc Liêu	13.865.314.440 (*)	20.240.607.750
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Bạc Liêu Cộng	3.943.868.750 (**)	20.240.607.750
	<b>17.809.183.190</b>	<b>20.240.607.750</b>

(\*)

Vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Bạc Liêu theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 323/VCB.BLI.14 ngày 03/09/2014 (xem chi tiết tại E150\_1). Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 (20 tỷ đồng), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh nhà hàng, khách sạn, bia, rượu; Thời hạn vay: 04 tháng/Giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay: 9,0%/năm; Biện pháp đảm bảo tiền vay được quy định cụ thể trong hợp đồng thế chấp tài sản số 55/2012/VCB.BL ngày 31/08/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 48/2012/VCB.BL ngày 23/08/2012, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 10.119.000.000 đồng.

- Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 55/2012/VCB.BL ngày 31/08/2012, giá trị tài sản đảm bảo được quy định theo BB định giá số 90/VCB.BL.14 ngày 13/06/2014 và BB định giá số 62/VCB.BL.14 ngày 12/05/2014 với tổng giá trị là 1.272.727.272 đồng.

- Đối với hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 48/2012/VCB.BL Ngày 23/08/2012: tài sản thế chấp là khách sạn Bạc Liêu - hạng mục xây dựng nâng cấp năm 2010, trục từ 18-21 tại thửa 159, tờ bản đồ số 19, đường Hai Bà Trưng, P.3, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Tổng giá trị tài sản là 9.075.000.000 đồng theo BB định giá ngày 23/08/2012 của VCB Bạc Liêu.

(\*\*)

Vay ngắn hạn của ngân hàng TNCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu theo hợp đồng tín dụng số 38.141014/2014-HĐTDHM/NHCT862-CTY DU LICH ngày 14/10/2014. Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 (5 tỷ đồng); Thời hạn hợp đồng là 1 năm kể từ ngày ký; Mục đích cho vay: kinh doanh bia, rượu, nước giải khát các loại ...; Thời hạn cho vay: được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm. Biện pháp đảm bảo: được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp số 38.141014-01/HĐTC ngày 14/10/2014 và Hợp đồng thế chấp số 38.141014-02/HĐTC ngày 14/10/2014, tổng giá trị tài sản thế chấp là 7.101.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số 38.141014-01/HĐTC ngày 14/10/2014: tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất số AP839251 (ĐC: ấp 05, thị trấn Hộ Phòng, Giá Lai, Bạc Liêu), Quyền sử dụng đất số BA 150313 (ĐC: ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu), Quyền sử dụng đất số BA 150043 (ĐC: ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu), tài sản gắn liền với đất và các lợi ích gắn liền với đất. Tổng giá trị tài sản thế chấp được định giá là 3.383.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số 38.141014-02/HĐTC ngày 14/10/2014: tài sản thế chấp là phương tiện giao thông vận tải: các thiết bị, linh kiện, phụ tùng, phụ kiện, thiết bị liên lạc, thiết bị định vị và các thiết bị khác được lắp đặt cho và gắn liền trước và trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan tới tài sản thế chấp trên (bao gồm nhưng không giới hạn: các khoản thanh toán từ các giao dịch kinh doanh, khai thác, mua bán, trao đổi, các khoản tiền bảo hiểm, ...). Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 3.718.000.000 đồng.

## 14- Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trần Thị Chát	-	614.900.000
Công ty TNHH Nam Long	3.127.273	942.000
Lâm Thị Hải Yến	-	2.500.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại TH Bạc Liêu	-	16.126.500
Cty TNHH TMSX Lộc Lan	2.854.545	
Cty TNHH TM Tiên Thủy	5.100.000	
Cty TNHH TM DV Coopmart - Bạc Liêu 2	4.736.070	
Liên Thị Loan	399.000	
Nguyễn Ngọc Loan	1.373.500	
Trần Thị Yến	210.000	
Tiêu Mỹ Loan	4.075.300	
Nguyễn Thị Kim Nga	980.000	
Phạm Thị Hương	1.104.000	
Trần Thị Gái	3.637.500	
Trần Thị Lan	490.000	
Lâm Thanh Tú	524.500	
Trần Kim Hoa	1.285.000	
Cửa hàng Kiều Hối	1.400.000	
Lò Bánh mì Hải (Nguyễn Ngọc Giàu)	4.980.500	
Hiệu buôn Thuận Lợi	24.196.000	
Nguyễn Thị Kim Ba	360.000	
<b>Cộng</b>	<b>60.833.188</b>	<b>634.468.500</b>

## 15- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT đầu ra	15.322.080	289.342.963
Thuế tiêu thụ đặc biệt	821.538	8.138.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.325.555	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.121.368	35.676.112
<b>Cộng</b>	<b>177.590.541</b>	<b>333.157.601</b>

(\*) Khoản thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của năm 2013 theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Bạc Liêu với giá trị lần lượt là 20.955.450 đồng và 256.638.815 đồng vẫn chưa được ghi nhận trên sổ sách kế toán của Công ty do Công ty chưa thống nhất số liệu với cơ quan thuế. Do đó, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 sẽ tùy thuộc vào việc chuyển lỗ của năm 2012.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

## 16- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXH	15.328.760	-
Phải trả khác	11.981.462 (*)	655.124.317
<b>Cộng</b>	<b>27.310.222</b>	<b>655.124.317</b>

## (\*) Chi tiết:

Khách hàng không thường xuyên	11.981.462	228.045.962
Đơn vị nội bộ	-	55.905.103
Khách hàng - Văn phòng công ty	-	371.173.252
<b>Cộng</b>	<b>11.981.462</b>	<b>655.124.317</b>

## 17- Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả	37.472.727	4.430.000
<b>Cộng</b>	<b>37.472.727</b>	<b>4.430.000</b>

## 18- Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
NH Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	-	6.503.675.200
Vay nội bộ Công ty	7.364.778.736 (*)	1.570.945.238
<b>Cộng</b>	<b>7.364.778.736</b>	<b>8.074.620.438</b>

## (\*) Chi tiết các khoản vay nội bộ công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Thanh Hiền	250.000.000	330.000.000
Nguyễn Kim Anh	100.000.000	100.000.000
Ngô Thanh Tuyên	150.000.000	64.845.489
Mai Thu Nga	-	70.683.472
Phạm Thị Đằm	100.000.000	200.000.000
Nguyễn Thị Thanh	258.490.155	75.416.277
Nguyễn Thị Huệ	150.000.000	730.000.000
Nguyễn Nam Tri	303.875.768	-
Vưu Thúy Linh	52.412.813	-
Nguyễn Hải Vân	6.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.364.778.736</b>	<b>1.570.945.238</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

- 19- Vốn chủ sở hữu  
a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	20.000.000.000	999.164.000	863.046.618	1.927.491.837	717.129.774	(196.800.000)	(875.743.832)	23.434.288.397
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	359.441	359.441
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay</b>	20.000.000.000	999.164.000	863.046.618	1.927.491.837	717.129.774	(196.800.000)	(875.384.391)	23.434.647.838
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	1.476.392.901	1.476.392.901
- Tăng khác	-	-	-	30.050.425	30.050.425	-	72.640.442	132.741.292
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(71.400.000)	(192.842.143)	(264.242.143)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	20.000.000.000	999.164.000	863.046.618	1.957.542.262 (*)	747.180.199	(268.200.000)	480.806.809	24.779.539.888

(\*) Chưa thu thập được thông tin về số vốn khác của chủ sở hữu



**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Tổng Cty đầu tư và KD vốn NN	308.196	15,41%
Công ty Lương thực Bạc Liêu	171.430	8,57%
Công ty TNHH MTV SSKT Bạc Liêu	167.150	8,36%
Công ty CP Xăng dầu, Dầu khí Bạc Liêu	111.430	5,57%
Ông Lâm Dạ Vũ	-	0,00%
Ông Huỳnh Quốc Dân	128.570	6,43%
Bà Nguyễn Hải Vân	443.574	22,18%
Ông Trịnh Công Vinh	123.960	6,20%
Vốn góp của các đối tượng khác	519.750	25,99%
Cổ phiếu quỹ	25.940	1,30%
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:****01- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hoá	88.316.177.644	76.717.419.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.140.556.082	19.381.590.770
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(36.531.547)	76.807.973
<b>Cộng</b>	<b>100.420.202.179</b>	<b>96.175.818.341</b>

**02- Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động kinh doanh Nhà hàng - KS	7.831.071.712	7.771.944.861
Giá vốn kinh doanh cửa hàng TPCN	77.016.161.707	74.990.512.975
Giá vốn hoạt động kinh doanh TT Điều hành Dịch	1.217.383.970	575.714.128
<b>Cộng</b>	<b>86.064.617.389</b>	<b>83.338.171.964</b>

**03- Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.537.693	10.655.156
Thu từ lãi tiền gửi, cho vay vốn	9.030.164	66.087.058
<b>Cộng</b>	<b>17.567.857</b>	<b>76.742.214</b>

**04- Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay ngân hàng	2.487.903.229	3.246.841.989
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	5.462.978	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

## 05- Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương, BHXH, KPCĐ BHYT của NV bán hàng	3.156.436.743	2.693.932.976
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.672.433.440	2.618.569.900
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	400.911.958	413.131.649
Thuế, phí, lệ phí	-	72.544.667
Chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài	86.351.566	3.319.346.306
Chi phí bán hàng bằng tiền khác	4.233.136.322	16.865.728
<b>Cộng</b>	<b>10.549.270.029</b>	<b>9.134.391.226</b>

## 06- Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương, BHXH, BHYT, KPCĐ của NVQLY	1.302.719.499	996.875.738
Chi phí đồ dùng văn phòng	74.829.142	521.486.025
Chi phí khấu hao TSCĐ	56.842.993	51.217.236
Thuế, phí, lệ phí	215.714.813	1.795.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.416.539	13.415.174
Chi phí bằng tiền khác	159.149.789	57.745.126
<b>Cộng</b>	<b>2.030.672.775</b>	<b>1.642.534.891</b>

## 07- Doanh thu khác

	Năm nay	Năm trước
Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.964.545.456	-
Thu nhập về cho thuê tài sản	1.196.286.683	649.109.098
Thu nhập khác	355.703.902	672.289.379
<b>Cộng</b>	<b>3.516.536.041</b>	<b>1.321.398.477</b>

## 08- Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.023.566.382	150.000.000
Chi phí bất thường khác	106.842.149	56.807.300
<b>Cộng</b>	<b>1.130.408.531</b>	<b>206.807.300</b>

## 09- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.685.971.146
Điều chỉnh cho các khoản:	
- Chi phí không được trừ	80.442.149
- Cổ tức được chia	(7.499.200)
Thu nhập chịu thuế	1.758.914.095
Chuyển lỗ	(806.285.707)
Thu nhập tính thuế	952.628.388
Thuế suất thu nhập DN	22%
Thuế TNDN	<u>209.578.245</u>

## 10- Cổ phiếu và lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận năm nay	1.476.392.901
Số cổ phiếu đã phát hành	2.000.000
Số cổ phiếu quỹ đầu kỳ	18.800
Số cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	1.981.200
Số cổ phiếu mua lại trong kỳ	7.140
Số cổ phiếu quỹ cuối kỳ	25.940
Số cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	1.975.845
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	747,22

## VII. Thông tin khác:

## 1. Các khoản thù lao cho HĐQT và ban kiểm soát:

Các khoản thù lao phát sinh trong năm của HĐQT và ban kiểm soát là 10.200.000 đồng/tháng, tương đương với 122.400.000 đồng/năm (chưa bao gồm thu nhập trong năm của các thành viên điều hành).

## 2. Giao dịch của các bên có liên quan:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các công ty, cá nhân mà Công ty có liên quan thông qua quan hệ về vốn. Như được trình bày dưới đây, Công ty và các công ty liên kết mà Công ty có mối quan hệ giao dịch thông qua quan hệ đầu tư/ nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối liên hệ	Nội dung	Số tiền
Mai Thu Nga	Cổ đông	Vay tiền	419.244.490
		Trả tiền vay	489.927.962
Nguyễn Thị Huệ	Cổ đông	Vay tiền	400.000.000
		Trả tiền vay	980.000.000
Nguyễn Hải Vân	Cổ đông	Vay tiền	6.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số dư với các bên có liên quan tại thời điểm 31/12/2014 bao gồm:

Bên liên quan	Mối liên hệ	Nội dung	Số tiền
Nguyễn Thị Huệ	Cổ đông	Vay dài hạn	150.000.000
Nguyễn Hải Vân	Cổ đông	Vay dài hạn	6.000.000.000

Bạc Liêu, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

*Handwritten signature of Nguyễn Thị Tuyết Thu*

NGUYỄN THỊ TUYẾT THU



TRẦN VĂN THẢO

**CHỨNG THỰC**

**SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số *12.8.9.4*... Quyển *2*.....

Ngày: *31* tháng: *01* năm 20*15*



*Handwritten signature: Nguyễn Thành Trung*